



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đường Quảng Ngãi

Ngày 30/09/2025	47,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.2%	1.4%	5.7%

DT thuần Q3/25
2,685
tỷ VNĐ
QoQ: ▼233 -8.0%
YoY: ▼42.0 -1.5%

LN thuần Q3/25
427
tỷ VNĐ
QoQ: ▼183 -29.9%
YoY: ▼146 -25.4%

LN sau thuế Q3/25
381
tỷ VNĐ
QoQ: ▼165 -30.2%
YoY: ▼151 -28.4%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
17.3%
YoY: +/-▼ 5.1%

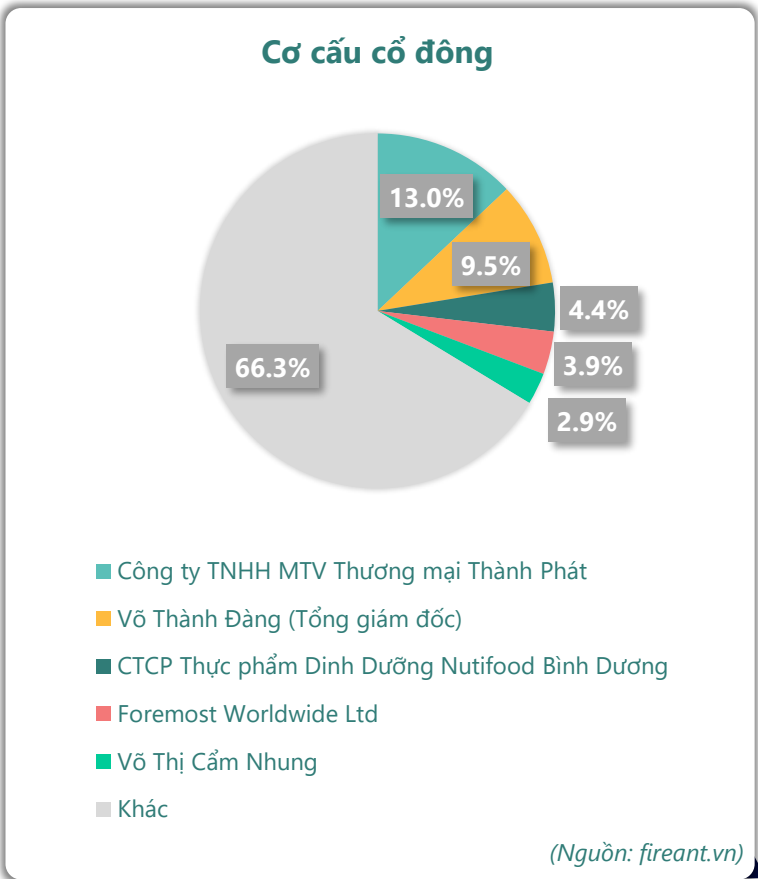
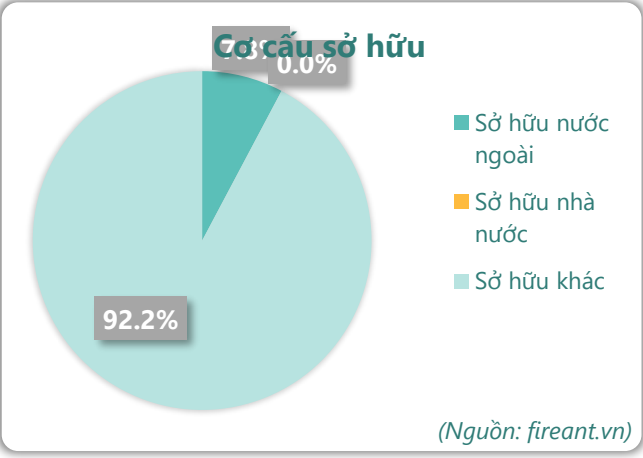
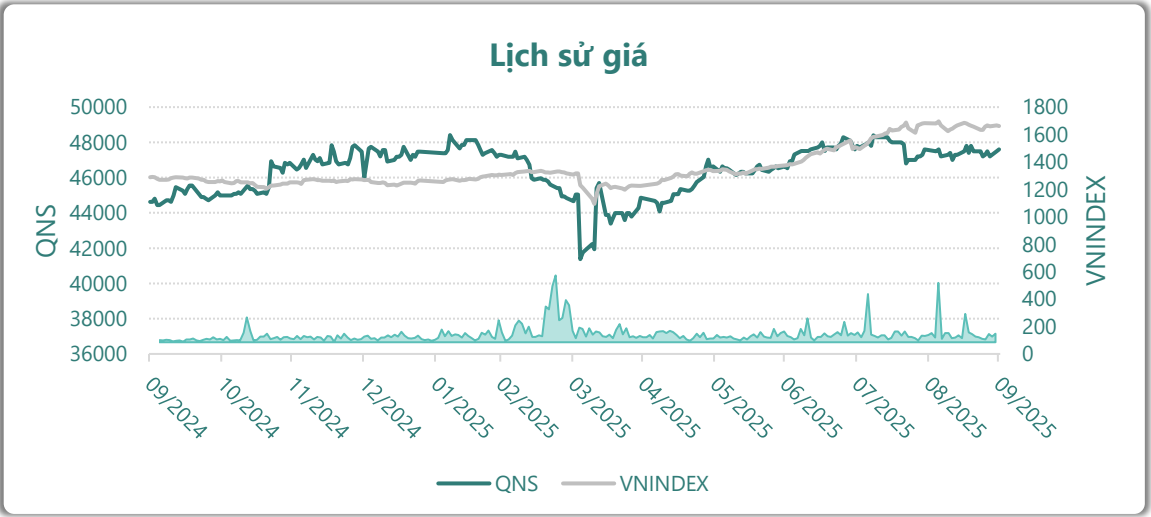
ROE (TTM) Q3/25
20.0%
YoY: +/-▼ 2.2%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	41,377 - 48,414
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	17,500
Số lượng CPLH (CP)	367,648,153
KLGD BQ 20 phiên (CP)	98,885
Sở hữu nước ngoài	7.8%
Beta	0.58
EPS	5,280
P/E	9.0

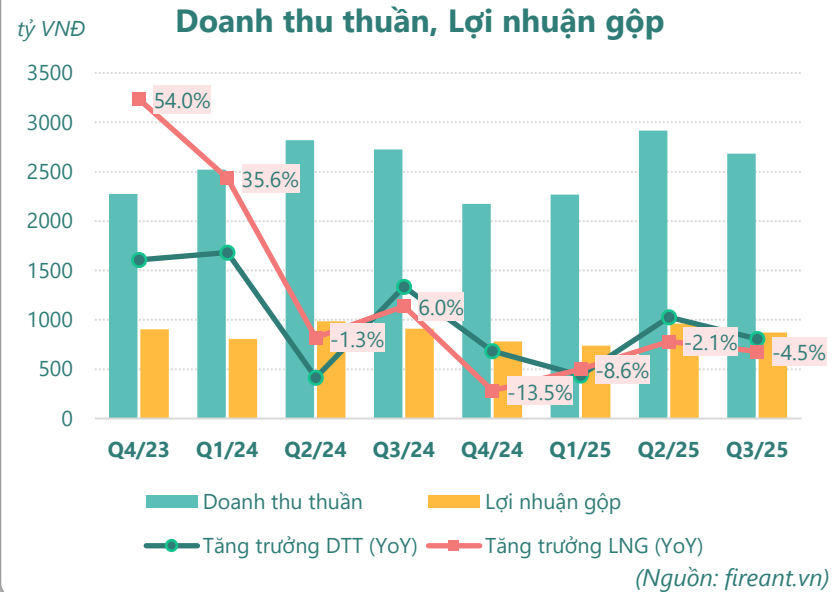
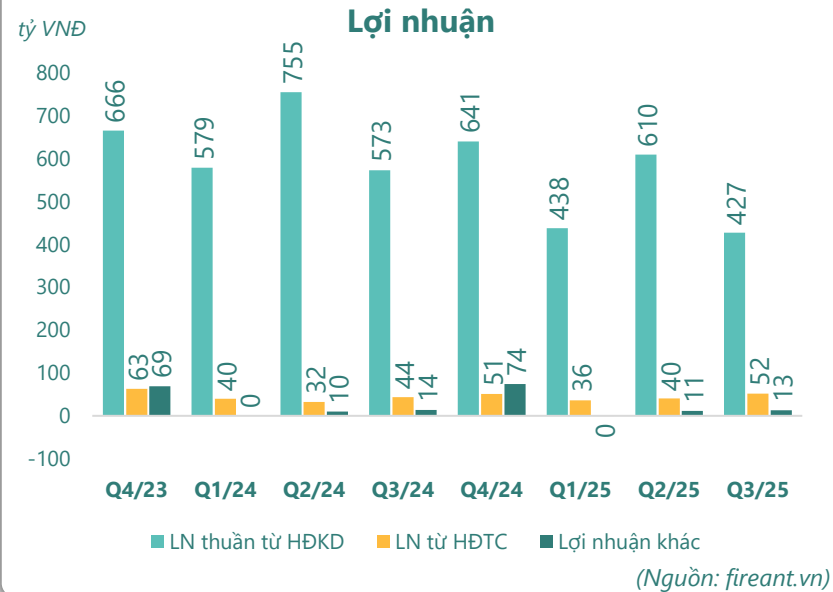
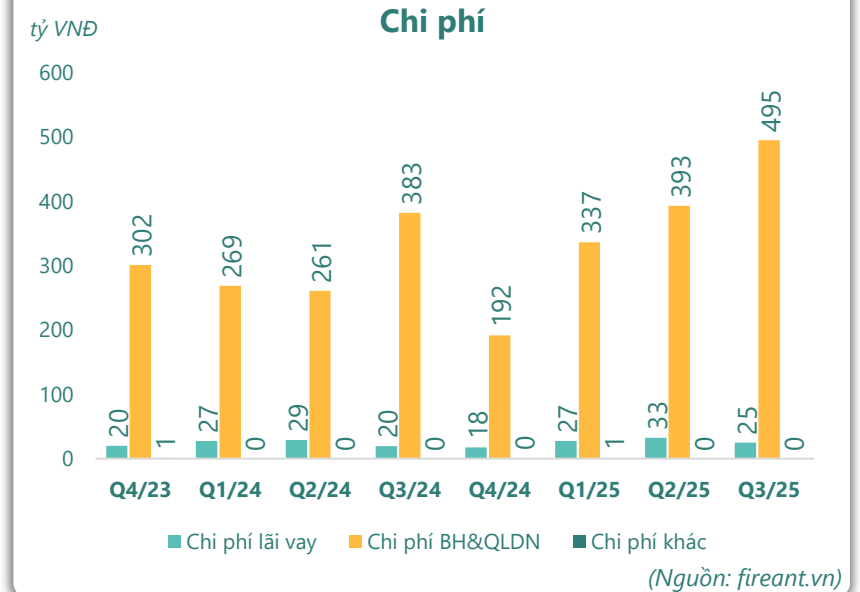
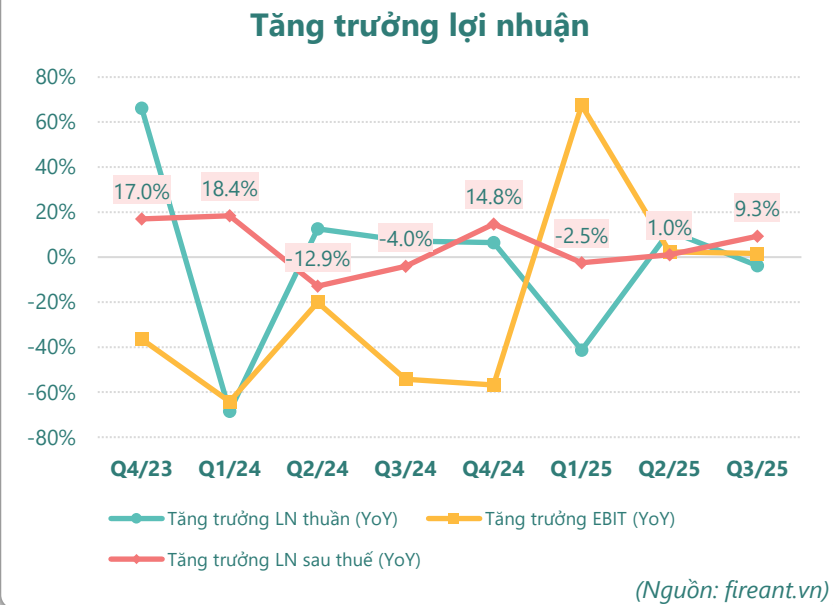
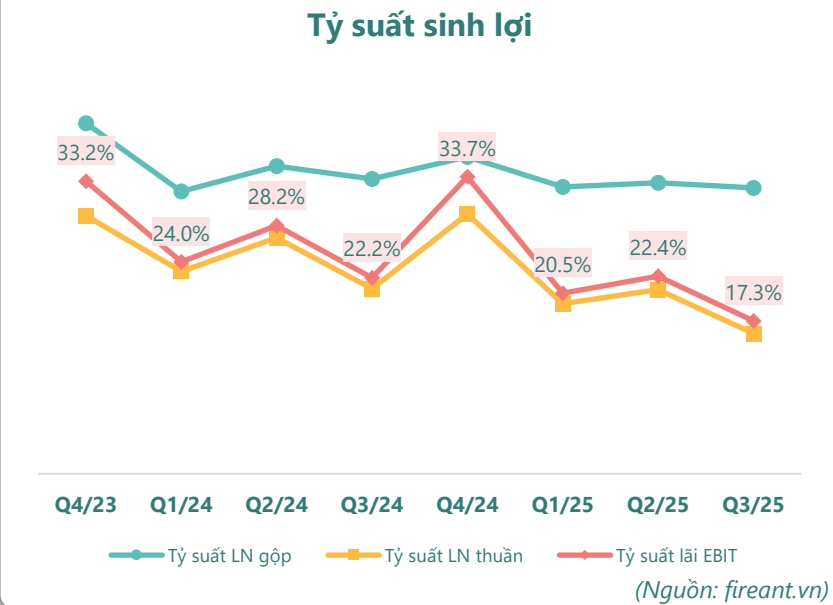
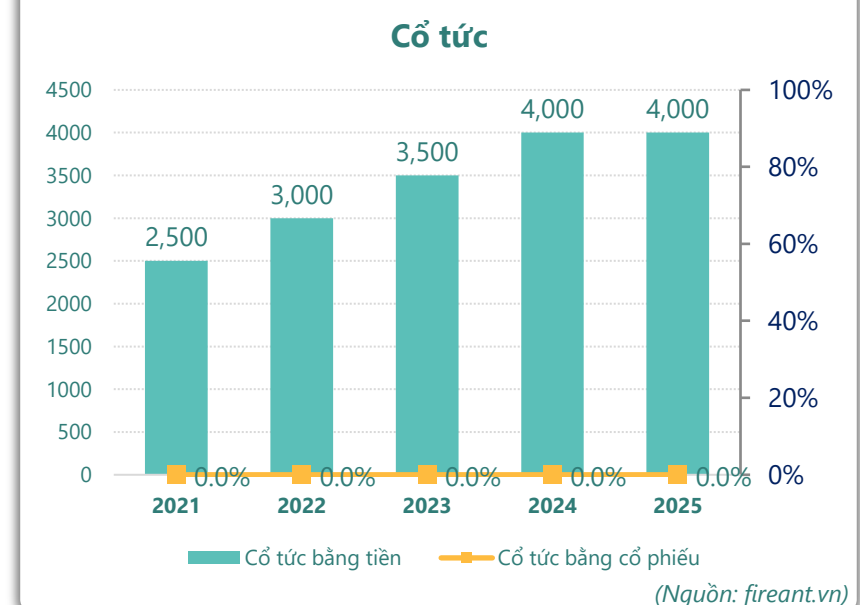
DT thuần 9T 2025
7,872
tỷ VNĐ
YoY: ▼197 -2.4%

LN thuần 9T 2025
1,475
tỷ VNĐ
YoY: ▼432 -22.6%

LN sau thuế 9T 2025
1,319
tỷ VNĐ
YoY: ▼436 -24.9%



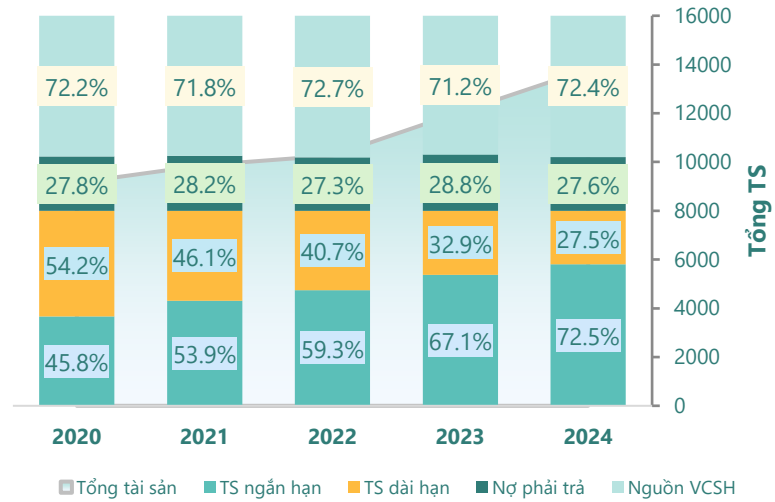
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

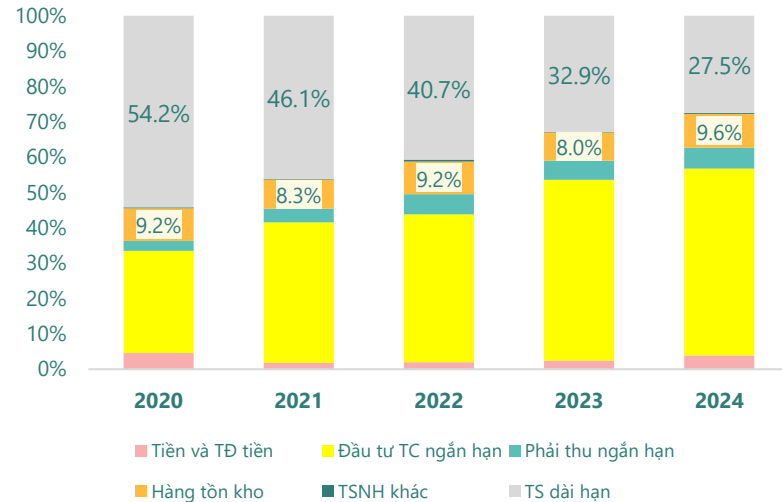
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

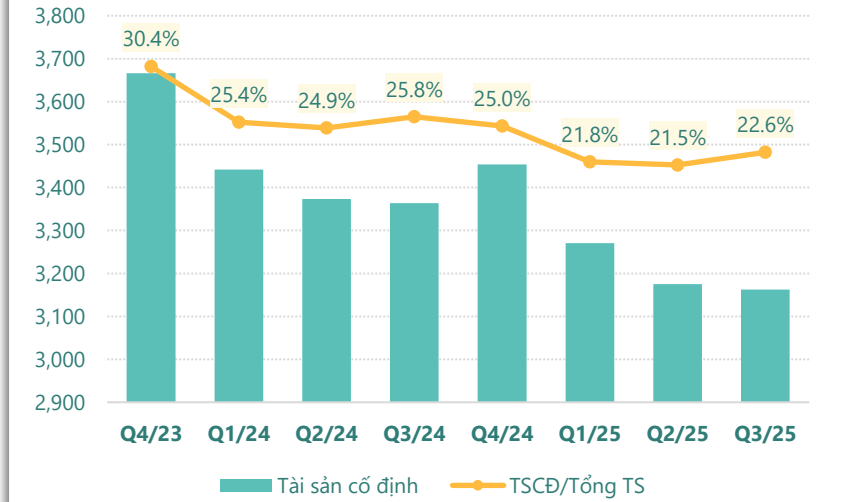
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

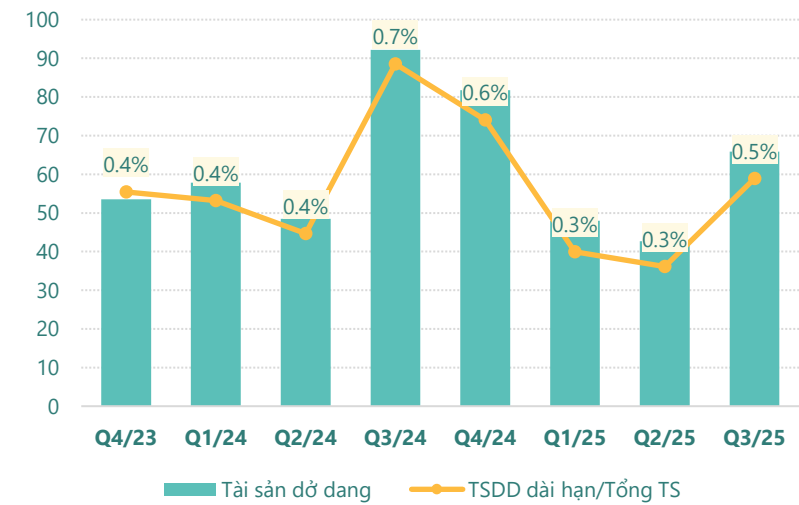
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

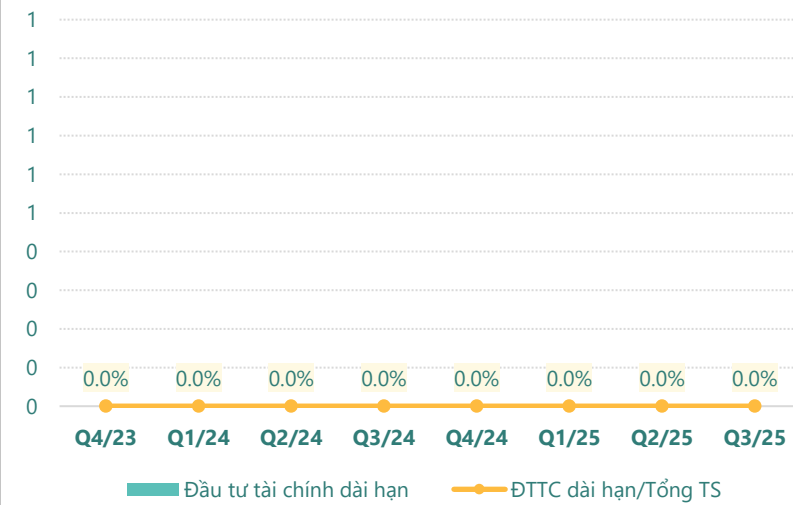
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

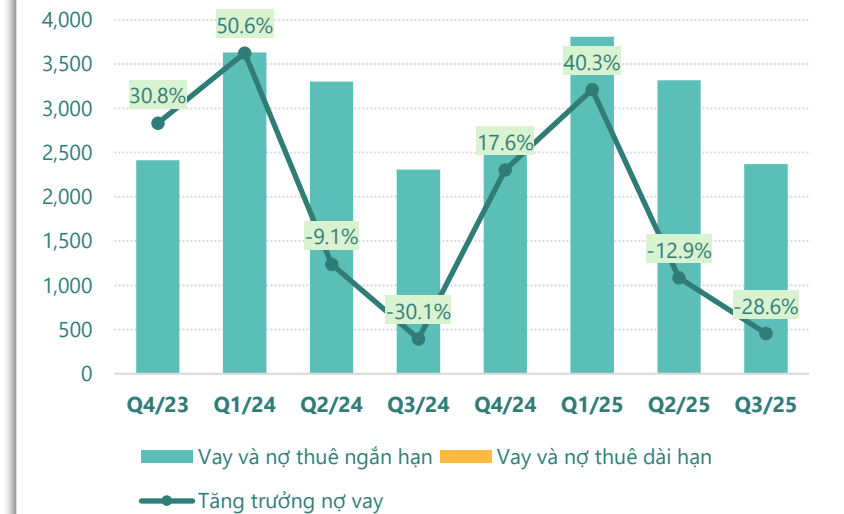
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

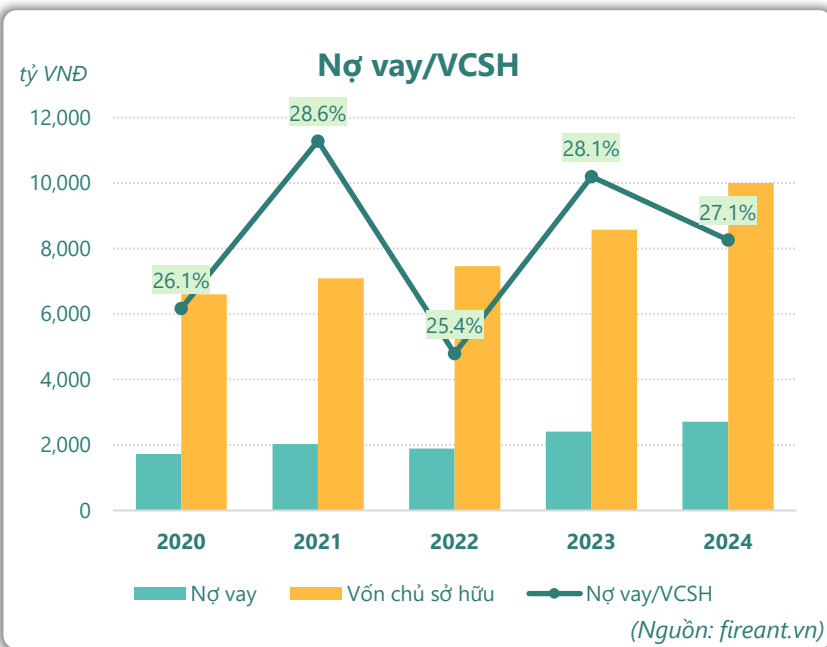
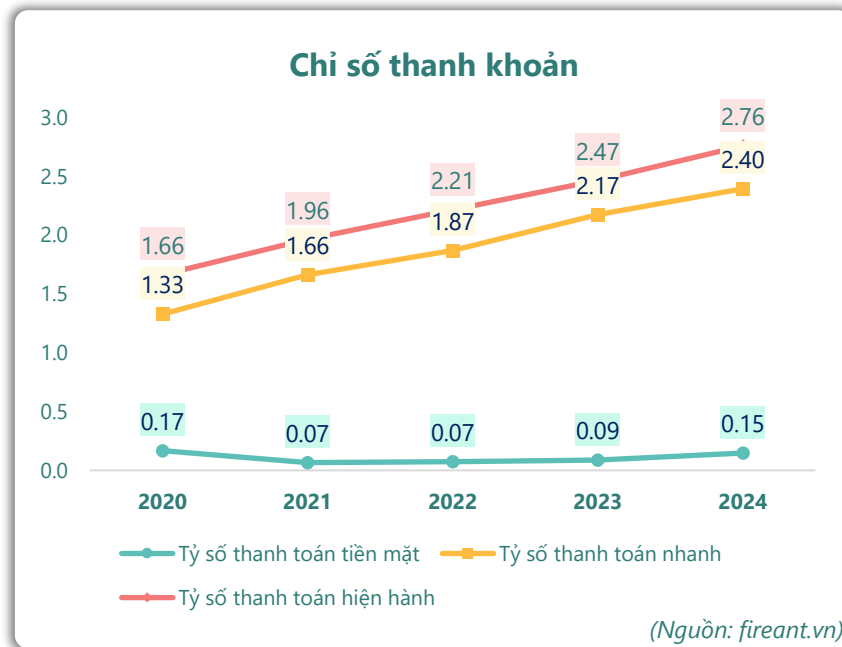
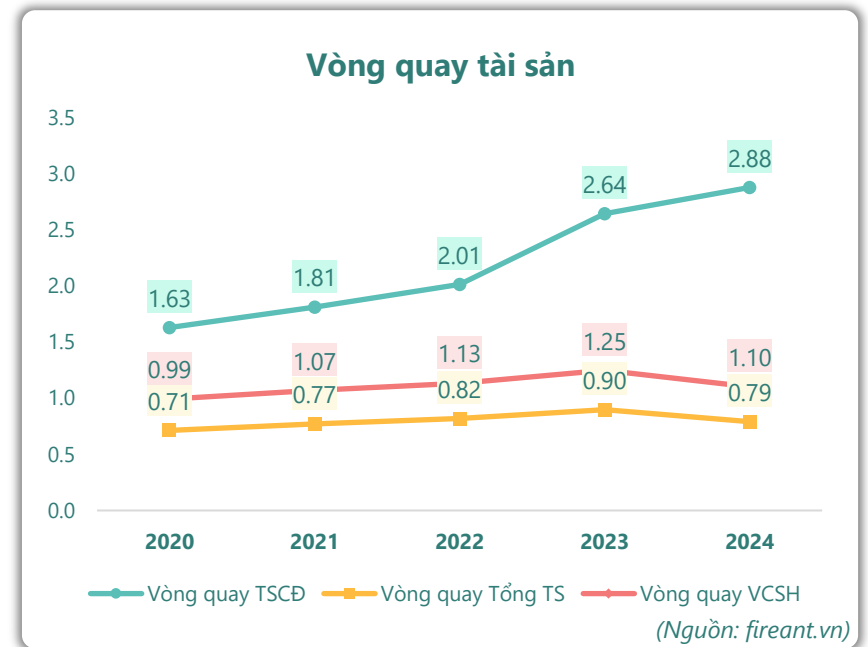
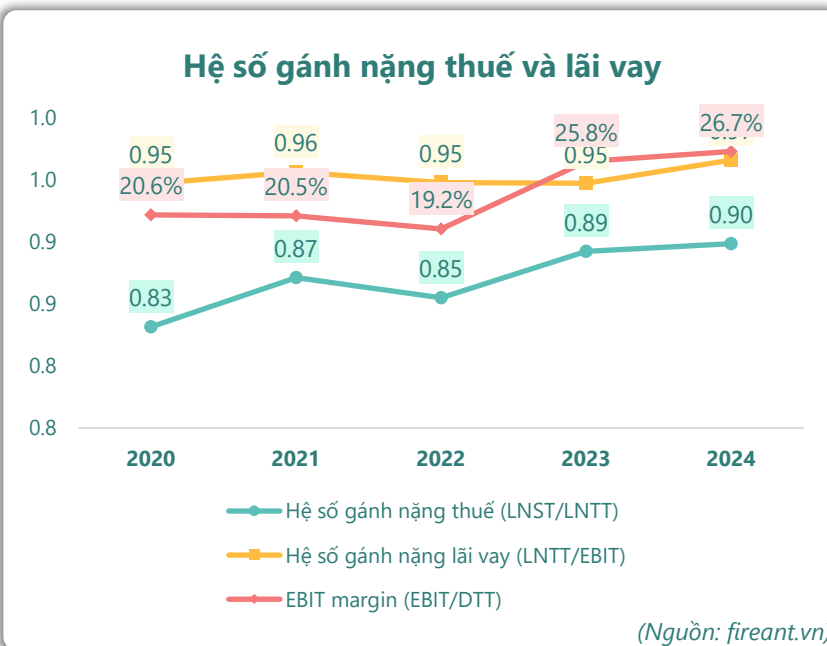
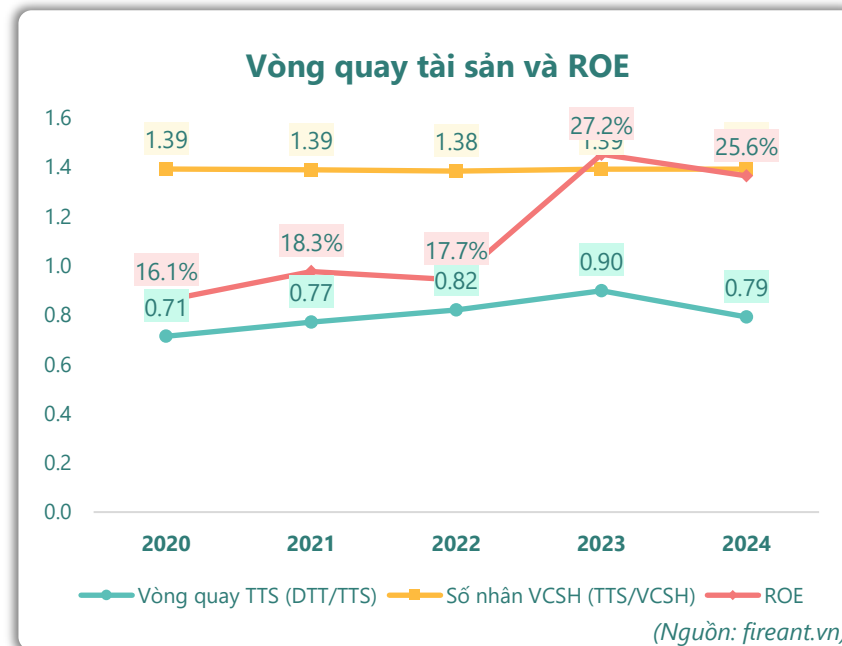
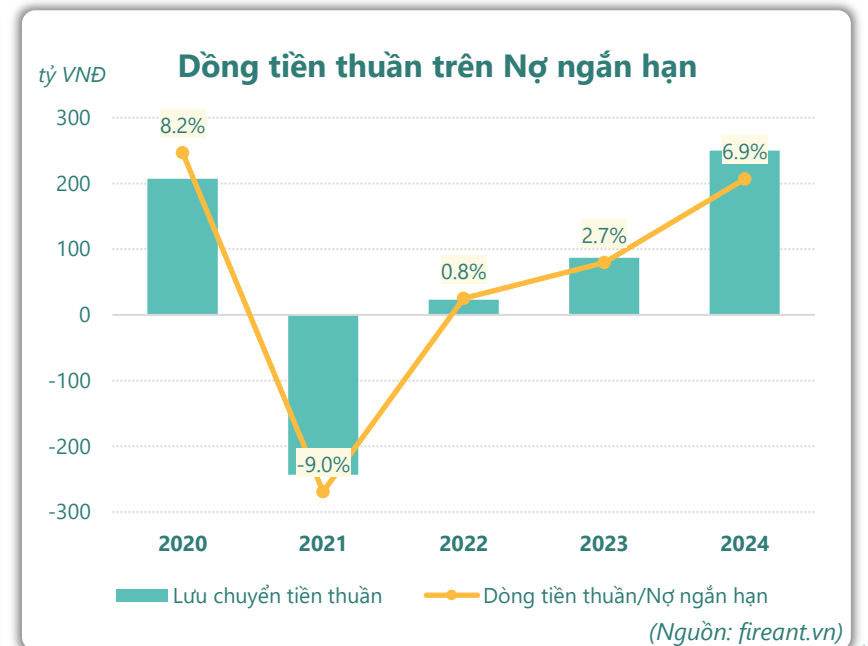
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,685	2,727	-1.5%	7,872	8,069	-2.4%
Giá vốn hàng bán	1,814	1,815	-0.1%	5,300	5,366	-1.2%
Lợi nhuận gộp	871	912	-4.5%	2,573	2,704	-4.8%
Doanh thu HĐTC	77.3	63.7	21.4%	216	193	12.1%
Chi phí TC	25.7	20.0	28.7%	88.0	77.0	14.2%
Chi phí lãi vay	25.0	19.7	27.1%	85.1	75.9	12.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	418	312	34.0%	999	701	42.6%
Chi phí QLDN	77.1	71.1	8.5%	226	212	7.0%
LN thuần từ HĐKD	427	573	-25.4%	1,475	1,907	-22.6%
Lợi nhuận khác	13.2	13.8	-4.2%	24.1	24.0	0.8%
LN trước thuế	441	587	-24.9%	1,499	1,931	-22.3%
Lợi nhuận sau thuế	381	532	-28.4%	1,319	1,755	-24.9%
LNST của CĐ cty mẹ	381	532	-28.4%	1,319	1,755	-24.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	745	1,281	88.1	-469	822	1,140
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	295	-619	-243	-473	705	-324
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-905	-1,053	407	781	-1,113	-1,261
Tiền đầu kỳ	541	677	286	539	379	791
Lưu chuyển tiền thuần	136	-391	252	-161	413	-446
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	-0.03	1.00	0	-0.92	0.92
Tiền cuối kỳ	677	286	539	379	791	346

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	13,972	13,808	1.2%
Tài sản ngắn hạn	10,515	10,011	5.0%
Tiền và tương đương tiền	346	539	-35.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7,332	7,299	0.5%
Phải thu ngắn hạn	1,089	810	34.4%
Hàng tồn kho	1,714	1,323	29.5%
Tài sản ngắn hạn khác	34.1	39.1	-12.7%
Tài sản dài hạn	3,457	3,797	-9.0%
Phải thu dài hạn	0.81	0.43	86.1%
Tài sản cố định	3,162	3,452	-8.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	65.8	81.8	-19.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	228	264	-13.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,924	3,807	3.1%
Nợ ngắn hạn	3,745	3,627	3.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,368	2,714	-12.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	251	464	-46.0%
Nợ dài hạn	180	180	-0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	10,048	10,002	0.5%
Vốn chủ sở hữu	10,048	10,002	0.5%
Vốn điều lệ	3,676	3,676	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

